

An Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất ngày 02/4 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 40-50cm và cao hơn TBNN từ 10-40cm. Mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-20cm và cao hơn TBNN từ 05-15cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm, mực nước cao nhất ngày 02/4 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 40-50cm và cao hơn TBNN từ 35-45cm. Mực nước thấp nhất phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN từ 10-30cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 02/4 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-30cm và cao hơn TBNN từ 05-20cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 02/4 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 36cm, lên 01cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh tiếp tục lên chậm và đạt đỉnh trong ngày 05/04, sau xuống chậm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch tiếp tục lên chậm và đạt đỉnh trong ngày 05/04, sau xuống chậm.

- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm theo xu thế triều biển Tây đến ngày 06/04, sau xuống chậm.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 04/4/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	02/4		01/04						03/4	04/4	05/4	06/4	07/4
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	131	3	▲	-41	▼	33	▲	135	139	143	142	139
					Hmin	-3	6	▲	-7	▼	3	▲	2	1	-2	-5	-9
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	134	2	▲	-43	▼	35	▲	138	142	146	145	143
					Hmin	-18	9	▲	-8	▼	13	▲	-12	-14	-16	-19	-23
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	105	0	◀▶	-43	▼	8	▲	107	109	111	109	107
					Hmin	39	2	▲	-19	▼	15	▲	41	42	43	41	38
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	143	4	▲	-48	▼	38	▲	147	151	156	155	153
					Hmin	-8	7	▲	-12	▼	4	▲	-3	-4	-7	-10	-14
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	152	4	▲	-50	▼	47	▲	156	160	165	163	161
					Hmin	-10	9	▲	-1	▼	32	▲	-4	-6	-8	-11	-15
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	140	3	▲	-46	▼	36	▲	144	148	153	151	149
					Hmin	-14	7	▲	-6	▼	9	▲	-8	-10	-12	-15	-19
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	30	0	◀▶	-31	▼	-3	▼	30	31	31	32	33
					Hmin	7	1	▲	-25	▼	-1	▼	7	8	8	9	10
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	20	0	◀▶	-28	▼	-6	▼	20	21	21	22	23
					Hmin	16	1	▲	-25	▼	-6	▼	16	17	17	18	19
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	28	-1	▼	-31	▼	-12	▼	28	29	29	30	31
					Hmin	23	1	▲	-30	▼	-10	▼	23	24	24	25	26
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	29	-1	▼	-31	▼	-9	▼	29	30	30	31	32
					Hmin	26	1	▲	-29	▼	-6	▼	26	27	27	28	29
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	37	0	◀▶	-30	▼	-7	▼	37	38	38	39	40
					Hmin	34	2	▲	-26	▼	-3	▼	34	35	35	36	37
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	34	-2	▼	-28	▼	1	▲	35	35	36	37	38
					Hmin	12	1	▲	-22	▼	1	▲	13	13	14	15	16
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	48	0	◀▶	-22	▼	15	▲	49	49	50	51	52
					Hmin	34	0	◀▶	-21	▼	11	▲	35	35	36	37	38
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	37	0	◀▶	-25	▼	-2	▼	38	38	39	40	41
					Hmin	32	0	◀▶	-19	▼	4	▲	33	33	34	35	36
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	26	0	◀▶	-19	▼	6	▲	27	28	29	30	30
					Hmin	18	1	▲	-17	▼	5	▲	19	20	21	22	22
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	64	-1	▼	-22	▼	16	▲	65	66	67	68	68
					Hmin	51	0	◀▶	-16	▼	19	▲	52	53	54	55	55
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	90	0	◀▶	-35	▼	23	▲	91	92	93	94	94
					Hmin	48	1	▲	-17	▼	15	▲	49	50	51	52	52
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	60	0	◀▶	-27	▼	8	▲	60	61	62	63	64
					Hmin	33	-3	▼	-25	▼	0	◀▶	34	35	36	37	37
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	44	-1	▼	-27	▼	-6	▼	44	45	46	47	48
					Hmin	35	-1	▼	-19	▼	0	◀▶	36	37	38	39	39
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	29	-1	▼	-25	▼	-2	▼	29	30	31	32	33
					Hmin	23	0	◀▶	-23	▼	10	▲	24	25	26	27	27

Kiền	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	16	-2	▼	-21	▼	-15	▼	15	14	15	16	17
					Hmin	-5	-1	▼	-32	▼	16	▲	-7	-9	-11	-10	-9
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	36	1	▲	-31	▼	-2	▼	41	48	56	63	61
					Hmin	-31	-1	▼	-5	▼	3	▲	-33	-35	-37	-39	-37

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





